

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ đăng ký sẽ bị chấm dứt tự động và phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>- Chấm dứt hồ sơ khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ; chủ quản nền tảng phải tiến hành phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>5. Chấm dứt thông tin đăng ký được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo chấm dứt đăng ký theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định;</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt đăng ký. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 32. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam</p> <p>1. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam sau khi đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>2. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 27 của Luật TMDT</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;</p> <p>b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>c) Tài liệu chỉ định pháp nhân tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử nước ngoài;</p> <p>3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến:</p> <p>Chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong các trường hợp thay đổi những thông tin sau: thay đổi tên nền tảng; thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng; thay đổi pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền; thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch hoặc</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>thông tin liên hệ; thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, giao dịch trên nền tảng. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;</p> <p>b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p> <p>4. Hồ sơ chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến:</p> <p>Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện thủ tục chấm dứt hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong các trường hợp sau: dừng vận hành nền tảng thương mại điện tử; thay đổi giấy phép kinh doanh, mã số thuế hoặc các giấy tờ tương tự khác; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chủ quản nền tảng thương mại điện tử có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến theo Mẫu số 04</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>tại Phụ lục; b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt đăng ký (nếu có); 5. Quy trình thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 33. Quy trình thực hiện thủ tục đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến</p> <p>1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.</p> <p>2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống quản lý hoạt</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 27 của Luật TMĐT</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.</p> <p>3. Đăng ký hồ sơ được thực hiện trực tuyến theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. - Từ chối hồ sơ khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. <p>4. Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ đã đăng ký theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp đã thực hiện đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. - Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ đăng ký sẽ bị chấm dứt tự động và phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. - Chấm dứt hồ sơ khi khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ; chủ quản nền tảng phải tiến hành 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>5. Chấm dứt thông tin đã đăng ký được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo chấm dứt đăng ký theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định;</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt đăng ký. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p>	
Điều 67a. Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam 1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ	Điều 34. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương	Kế thừa quy định của Điều 67a Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>chức có một trong các hình thức hoạt động sau:</p> <p>a) Website thương mại điện tử dưới tên miền Việt Nam;</p> <p>b) Website thương mại điện tử có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt;</p> <p>c) Website thương mại điện tử có trên 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm.</p> <p>2. Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện đăng ký hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Nghị định này và thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định đại diện theo ủy quyền của mình tại Việt Nam.</p> <p>Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện hoặc nội dung ủy quyền phải đảm bảo các trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.</p> <p>4. Lượt giao dịch từ Việt Nam được căn cứ từ các nguồn sau:</p> <p>a) Thương nhân, tổ chức tự nguyện báo cáo theo quy định của Nghị định này;</p> <p>b) Theo số liệu chính thức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam gồm: cơ quan hải quan; cơ quan quản lý nhà nước về Internet; cơ quan quản lý nhà nước về</p>	<p>mại điện tử tích hợp nước ngoài</p> <p>1. Nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam</p> <p>2. Nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam khi</p>	<p>định 85/2021/NĐ-CP) và quy định chi tiết khoản 7 Điều 27 của Luật TMDT.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>ngân hàng, thuế;</p> <p>c) Theo các báo cáo, thông tin sẵn có, công khai mà cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chứng minh được tính xác thực.</p> <p>5. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam</p> <p>a) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn các giao dịch hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 57 Nghị định này.</p>	<p>đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều này và sau khi đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều này.</p> <p>3. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:</p> <p>a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;</p> <p>b) Người được chỉ định đại diện theo uỷ quyền tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là người có quốc tịch Việt Nam.</p> <p>4. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động</p>	<p>Điều kiện quản lý và vận hành nền tảng TMĐT nước ngoài tại Việt Nam: giống như nền tảng TMĐT trong nước, đảm bảo cách tiếp cận đối xử công bằng giữa tổ chức trong nước và nước ngoài. Chủ quản nền tảng TMĐT nước ngoài đăng ký hoạt động với Bộ Công Thương giống như nền tảng TMĐT trong nước.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>		<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p> <p>thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử:</p> <p>a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị định này;</p> <p>b) Thực hiện ký quỹ ít nhất 10 tỷ đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam; tiền ký quỹ phải được duy trì trong suốt thời gian nền tảng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;</p> <p>c) Người chịu trách nhiệm về hoạt động thương mại điện tử tại pháp nhân được chỉ định tại Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là người có quốc tịch Việt Nam.</p> <p>5. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:</p> <p>a) Các nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định này;</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>b) Tài liệu chỉ định đại diện tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến; hoặc tài liệu chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>6. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến sửa đổi, bổ sung thông tin</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;</p> <p>b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p> <p>7. Chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến đề nghị chấm dứt nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;</p> <p>b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có);</p> <p>8. Quy trình thực hiện đăng ký, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký, chấm dứt đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài,</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.</p>	
Chưa quy định	<p>Điều 35. Tiền ký quỹ</p> <p>1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 của Nghị định này.</p> <p>2. Chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm mở tài khoản ký quỹ và ký quỹ một khoản tiền không thấp hơn 10 tỷ đồng (mười tỷ đồng) tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương xác nhận bằng văn bản các nội dung liên quan đến</p>	<p>Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Điều 27 của Luật TMĐT. Dự thảo quy định về số tiền ký quỹ, rút tiền ký quỹ và xử lý tiền ký quỹ nhằm đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng tại Việt Nam trong trường hợp có thiệt hại xảy ra.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>văn bản xác nhận ký quỹ khi có yêu cầu.</p> <p>4. Trường hợp có thay đổi thông tin trên văn bản xác nhận ký quỹ, chủ quản nền tảng có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh văn bản xác nhận ký quỹ với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Khoản tiền ký quỹ được phong tỏa trong suốt thời gian hoạt động của nền tảng và chỉ được rút, sử dụng khi có văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ của Bộ Công Thương.</p> <p>6. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ chịu trách nhiệm quản lý khoản tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ được hưởng lãi suất trên khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và được phép rút tiền lãi từ khoản tiền ký quỹ.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 36. Rút tiền ký quỹ</p>	<p>Dự thảo Nghị định hướng</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>1. Chủ quản nền tảng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 được rút tiền ký quỹ khi có xác nhận của Bộ Công Thương về một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chủ quản nền tảng đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam khác;</p> <p>b) Chủ quản nền tảng bị từ chối hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử;</p> <p>c) Chủ quản nền tảng đã chấm dứt hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam và đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng, các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng ký quỹ có trách nhiệm xác nhận với Bộ Công Thương bằng văn bản trước khi cho phép doanh nghiệp rút tiền ký quỹ.</p>	<p>dẫn chi tiết Điều 27 của Luật TMDT, quy định cụ thể các trường hợp chủ quản nền tảng được rút tiền ký quỹ.</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 37. Hồ sơ, trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ</p> <p>1. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, sau ít nhất 30 ngày kể từ khi có xác nhận đã ký quỹ</p>	<p>Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Điều 27 của Luật TMDT, quy định cụ thể về trình tự, hồ sơ thủ tục chủ quản nền tảng cần</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>		<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p> <p>tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam khác, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 gửi Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương.</p> <p>Trường hợp rút tiền ký quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, ngay sau khi bị từ chối hồ sơ đăng ký, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 có thể gửi Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương bằng văn bản.</p> <p>Trường hợp rút tiền ký quỹ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương công khai xác nhận chấm dứt hoạt động của nền tảng trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 có thể gửi đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương. Trong thời hạn này, người tiêu dùng, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo tới Bộ Công Thương về việc chủ quản nền tảng chưa hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu có;</p>	<p>thực hiện khi rút tiền ký quỹ.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>trường hợp không có thông báo, Bộ Công Thương ban hành văn bản chấp thuận cho chủ quản nên tăng rút tiền ký quỹ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ bao gồm:</p> <p>a) Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục;</p> <p>b) Văn bản xác nhận ký quỹ tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nên tăng thực hiện ký quỹ;</p> <p>c) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu có.</p> <p>3. Thủ tục rút tiền ký quỹ:</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ và phản hồi một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương gửi văn bản chấp thuận cho chủ quản nên tăng ký quỹ thực hiện rút khoản tiền ký quỹ;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>Công Thương thông báo hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ kèm lý do. Chủ quản nền tảng ký quỹ có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại hồ sơ.</p> <p>Điều 38. Xử lý khoản tiền đã ký quỹ</p> <p>1. Tiền ký quỹ được sử dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chủ quản nền tảng ký quỹ chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về các nghĩa vụ đó;</p> <p>b) Chủ quản nền tảng ký quỹ chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử nhưng chưa hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Người tiêu dùng gửi Giấy đề nghị sử dụng tiền ký quỹ và các bản án, quyết định nêu tại điểm a khoản 1 Điều này tới Bộ Công Thương</p>	<p>Dự thảo Nghị định quy định chi tiết điểm b khoản 5 Điều 27 của Luật TMDT.</p> <p>Việc xử lý tiền ký quỹ được quy định trong trường hợp nền tảng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước như chưa nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;</p> <p>b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận các tài liệu quy định tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương có trách nhiệm phản hồi một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp các tài liệu quy định tại điểm a khoản này không đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương yêu cầu người có đề nghị sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo. - Trường hợp các tài liệu quy định tại điểm a khoản này đã đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng ký quỹ trích tiền ký quỹ cho người có đề nghị sử dụng tiền ký quỹ. <p>3. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:</p> <p>Trường hợp tổ chức chấm dứt hoạt động nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm</p>	

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
	<p>đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ban hành quyết định xử phạt đó gửi văn bản đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi doanh nghiệp ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện quyết định xử phạt.</p>	
<p>Điều 67c. Điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử</p> <p>1. Hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>2. Các điều kiện tiếp cận thị trường gồm:</p> <p>a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Luật Đầu tư;</p> <p>b) Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối từ 01 doanh nghiệp trở lên thuộc nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định về an ninh quốc gia của Bộ Công an.</p> <p>3. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử quy định tại điểm b</p>	<p>Điều 39. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử</p> <p>1. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm:</p> <p>a) Hình thức đầu tư gồm thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư;</p> <p>b) Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo pháp luật về bảo vệ người tiêu</p>	<p>Quy định điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài: giống cách tiếp cận của Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2015/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định hai điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện về hình thức đầu tư và điều kiện về an ninh quốc gia.</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>khoản 2 Điều này là khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ quyền sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp;</p> <p>b) Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp;</p> <p>c) Nhà đầu tư có quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm việc lựa chọn nền tảng công nghệ, hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; lựa chọn điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp đó.</p> <p>4. Nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường tại điểm b khoản 2 Điều này được xác định dựa trên các tiêu chí về số lượt truy cập, số lượng người bán, số lượng giao dịch, tổng giá trị giao dịch.</p> <p>5. Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện trong quá trình đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh</p>	<p>dùng phải có ý kiến thẩm định của Bộ Công an về an ninh quốc gia.</p> <p>2. Nhà đầu tư nước ngoài chi phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ quyền sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức;</p> <p>b) Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của tổ chức;</p> <p>c) Nhà đầu tư có quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của tổ chức bao gồm việc lựa chọn nền tảng công nghệ, hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; lựa chọn điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn kinh doanh của</p>	

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>tế có vốn đầu tư nước ngoài như sau:</p> <p>a) Trong quá trình cho ý kiến theo thẩm quyền đối với Hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh, Bộ Công Thương có văn bản xin ý kiến Bộ Công an;</p> <p>b) Trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Công Thương, Bộ Công an có văn bản nêu rõ ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của nhà đầu tư, gửi lại Bộ Công Thương trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Công Thương;</p> <p>c) Trên cơ sở ý kiến của Bộ Công an, Bộ Công Thương có văn bản trả lời cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định;</p> <p>d) Thời hạn xin ý kiến Bộ Công an không tính vào thời hạn cho ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Nhà đầu tư có hoạt động đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>tổ chức đó.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến thẩm định của Bộ Công an bằng văn bản về an ninh quốc gia trong quá trình xem xét việc đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh của chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>4. Bộ Công an có ý kiến thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời hạn lấy ý kiến Bộ Công an không tính vào thời hạn xem xét cấp Giấy phép kinh doanh.</p>	
<p>Điều 63. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử</p> <p>...</p> <p>2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại</p> <p>1. Bảo đảm tính bảo mật, tính toàn vẹn và khả</p>	<p>Kế thừa và bổ sung quy định tại Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>chứng thực hợp đồng điện tử:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của các chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;</p> <p>b) Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;</p> <p>c) Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử với các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;</p> <p>d) Kết nối với Công thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu.</p>	<p>năng xác thực của hợp đồng điện tử được lưu trữ và chứng thực thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.</p> <p>2. Cở đầu mối liên hệ trực tuyến, cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.</p> <p>3. Công khai quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại tại vị trí dễ thấy, bằng ngôn ngữ tiếng Việt trên hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.</p> <p>4. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại báo cáo trực tuyến về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại của năm trước đó tại Mẫu số 16 tại Phụ lục của Nghị định này thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>5. Lưu trữ đầy đủ và bảo đảm an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hệ thống thông tin tự động theo thỏa thuận hợp đồng với chủ thể trong hợp đồng điện tử và bảo</p>	<p>Nghị định 85/2021/NĐ-CP) về báo cáo trực tuyến về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
	<p>đảm khả năng truy cập dữ liệu về về hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hệ thống thông tin tự động trong thời gian ít nhất 03 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng trên nền tảng.</p>	
<p>Điều 63. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử</p> <p>1. Điều kiện tiến hành hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:</p> <p>a) Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ theo mẫu quy định tại khoản 8 Điều này và được Bộ Công Thương thẩm định với các nội dung tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin giới thiệu về thương nhân, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử; - Mô tả phương án kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bao gồm: thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ, quy trình vận hành và chứng thực hợp đồng điện tử gồm có phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của chứng từ điện tử, phương án định danh và chứng thực điện tử của các bên liên quan đến hoạt 	<p>Điều 41. Điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại</p> <p>1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thời hạn 10 năm.</p> <p>2. Điều kiện về nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:</p> <p>a) Có sử dụng phần mềm ký số và sử dụng dịch vụ cấp dấu thời gian tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật theo quy định</p>	<p>Kế thừa và bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP)</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>động chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật, phương án tra cứu hợp đồng điện tử đã được chứng thực trên hệ thống; phương án bảo mật hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bảo mật an toàn thông tin khách hàng; phương án kỹ thuật bảo đảm duy trì và khắc phục hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử khi có sự cố xảy ra.</p> <p>...</p>	<p>của pháp luật về giao dịch điện tử;</p> <p>b) Nhân lực chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm tương ứng với ngành được đào tạo;</p> <p>c) Nhân lực chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật, cấp, tạm dừng, hủy, cài đặt và bảo hành, giám sát và kiểm tra, quản lý hệ thống thông tin phục vụ dịch vụ chứng thực có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và tương đương, có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo;</p> <p>d) Có hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đặt tại Việt Nam;</p> <p>đ) Có hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 03 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;</p> <p>e) Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>cổ xảy ra, các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu, có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố; trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20 kilomet và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố.</p> <p>g) Có phương án cảnh báo, ngăn chặn và phát hiện truy nhập bất hợp pháp trên môi trường điện tử;</p> <p>h) Có quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: thông tin liên hệ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử; mô tả mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ; quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan; biện pháp rà soát và xử lý hành vi vi phạm.</p> <p>3. Điều kiện giải pháp đồng bộ, kết nối, xác thực dữ liệu về hợp đồng điện tử trong thương mại theo thời gian thực bao gồm:</p> <p>a) Có biện pháp xác thực danh tính điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử đối với người tham gia giao kết hợp</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>đồng;</p> <p>b) Có biện pháp kỹ thuật để tổ chức, cá nhân tham gia giao kết hợp đồng đã được định danh điện tử thể hiện sự đồng ý với các điều khoản, điều kiện trong hợp đồng giao kết;</p> <p>c) Có giải pháp kỹ thuật đồng bộ, kết nối với hệ thống giám sát chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được tích hợp trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, bảo đảm khả năng truyền dữ liệu hợp đồng được chứng thực;</p> <p>d) Có giải pháp lưu trữ các thông tin về quá trình giao kết và chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>đ) Có giải pháp lưu trữ đầy đủ và bảo đảm an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết qua hệ thống thông tin tự động trong thời gian ít nhất là 10 năm kể từ thời điểm hợp đồng được chứng thực;</p> <p>e) Có phương án bảo đảm khả năng tra cứu hợp đồng điện tử giao kết đã được chứng thực.</p>	

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>Điều 63. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử</p> <p>...</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký</p> <p>a) Đơn đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;</p> <p>b) Bản sao từ số gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập (đối với tổ chức), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với thương nhân);</p> <p>c) Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p>	<p>Điều 42. Hồ sơ cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại</p> <p>1. Hồ sơ cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến thông tin về cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này;</p> <p>b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác chứng minh đáp ứng các điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (nếu có);</p> <p>c) Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại mô tả việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này và theo Mẫu số 08 tại Phụ lục của Nghị định này;</p> <p>d) Tài liệu, giấy tờ chứng minh việc đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc có bảo hiểm trách nhiệm, thiết</p>	<p>Kế thừa và bổ sung, điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP)</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>hại đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.</p> <p>2. Hồ sơ cấp phép lại đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục cấp phép lại trong trường hợp thay đổi một trong những thông tin sau: người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ; địa chỉ trụ sở giao dịch; nội dung công khai về quy chế chứng thực; nội dung đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng. Hồ sơ đề nghị cấp phép lại bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến đề nghị cấp phép lại hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, thay đổi các nội dung đã được cấp phép).</p> <p>3. Thu hồi giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp</p>	

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p> <p>đồng điện tử trong thương mại có đề nghị dừng cung cấp dịch vụ. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại:</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục chấm dứt hồ sơ đã được cấp phép trong các trường hợp sau: dừng cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thay đổi mã số thuế; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tổ chức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai trực tuyến đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
---	--	---

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>Điều 63. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử</p> <p>...</p> <p>b) Có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ theo mẫu quy định tại khoản 8 Điều này và được Bộ Công Thương thẩm định với các nội dung tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin giới thiệu về thương nhân, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử; - Mô tả phương án kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bao gồm: thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ, quy trình vận hành và chứng thực hợp đồng điện tử gồm có phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của chứng từ điện tử, phương án định danh và chứng thực điện tử của các bên liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật, phương án tra cứu hợp đồng điện tử đã được chứng thực trên hệ thống; phương án bảo mật hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bảo mật an toàn thông tin khách hàng; phương án kỹ thuật bảo đảm duy trì và khác 	<p>trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này; b) Tài liệu (nếu có).</p> <p>Điều 43. Nội dung Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại</p> <p>Nội dung Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm ít nhất các nội dung sau:</p> <p>a) Thông tin chung về tổ chức cung cấp dịch vụ, bao gồm: tên, loại hình doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, phương thức liên hệ, phạm vi cung cấp dịch vụ, giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Mô tả quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; mô hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, quy trình tiếp nhận, xác thực, chứng thực, cấp dấu thời gian, lưu trữ, tra cứu và cung cấp thông tin hợp đồng điện tử; chức năng, tính năng chính của hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ;</p> <p>c) Mô tả giải pháp kỹ thuật về ký số, dấu thời</p>	<p>Kế thừa và bổ sung quy định tại Điều 63 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP)</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>phục hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử khi có sự cố xảy ra.</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p> <p>gian, xác thực danh tính điện tử, bảo đảm tổ chức, cá nhân tham gia giao kết hợp đồng thể hiện sự đồng ý đối với nội dung hợp đồng;</p> <p>d) Mô tả phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu; biện pháp cảnh báo, phát hiện và ngăn chặn truy nhập trái phép; phương án phân quyền truy cập, kiểm soát rủi ro và bảo vệ dữ liệu;</p> <p>đ) Mô tả hạ tầng kỹ thuật, vị trí đặt hệ thống thông tin tại Việt Nam; phương án sao lưu, dự phòng, khôi phục dữ liệu, bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục khi xảy ra sự cố;</p> <p>e) Mô tả nhân sự chủ chốt phụ trách an toàn thông tin, quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật và quản lý hệ thống; trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và cơ chế phân công trách nhiệm;</p> <p>g) Mô tả giải pháp đồng bộ, kết nối, truyền nhận và chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử; phương án cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>h) Mô tả phương án lưu trữ, bảo quản dữ liệu hợp đồng điện tử, thời hạn lưu trữ, khả năng tra cứu, cung cấp bản sao hoặc chứng cứ điện tử</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>phục vụ giải quyết tranh chấp; i) Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; k) Quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại và chính sách cung cấp dịch vụ được công khai trên hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ theo quy định.</p>	
<p>Điều 63. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử ... 7. Hủy bỏ, chấm dứt đăng ký a) Bộ Công Thương hủy bỏ đăng ký đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong các trường hợp sau: - Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo khi tiến hành đăng ký; - Lợi dụng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử để thu lợi bất chính; - Không thực hiện đúng các nội dung theo Đề án và Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử</p>	<p>Điều 44. Quy trình, thủ tục cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại 1. Việc nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được Bộ Công Thương thực hiện trực tuyến qua Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia để đăng ký mở tài khoản trước khi tiến hành</p>	

<div>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</div>	<div>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</div>	THUYẾT MINH
<div>theo quy định tại Điều này; - Không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều này. b) Bộ Công Thương chấm dứt đăng ký đối với thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong các trường hợp sau: - Theo đề nghị của thương nhân, tổ chức đó; - Không cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được xác nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. c) Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử khi ngừng hoạt động phải thông báo cho Bộ Công Thương trước 15 ngày để chấm dứt đăng ký. Việc thông báo này được thực hiện trực tuyến qua tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp khi tiến hành đăng ký hoặc bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số). d) Khi chấm dứt hoặc hủy bỏ đăng ký, Bộ Công Thương sẽ rút tên thương nhân, tổ chức khỏi danh sách các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã đăng ký, đồng thời xóa biểu tượng xác nhận đăng ký của thương nhân, tổ chức đó trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.</div>	<div>khai báo hồ sơ thông báo hoạt động thương mại điện tử. 2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu. 3. Đề nghị cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy trình 02 bước như sau: Bước 1. Các tổ chức đăng nhập tài khoản đã được cấp trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia (hệ thống) để tiến hành khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm hồ sơ đăng ký theo quy định. Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, các tổ chức nhận thông tin phản hồi về một trong các nội dung sau: - Xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử</div>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>trong thương mại, Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ.</p> <p>- Thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung thông tin. Tổ chức quay về Bước 1 để khai báo lại theo yêu cầu.</p> <p>4. Đề nghị cấp phép lại đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1. Đăng nhập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện đề nghị cấp phép lại theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định; trạng thái hồ sơ chuyển từ đã cấp phép sang đề nghị cấp phép lại và công khai tại Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, tổ chức nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:</p> <p>- Xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai cập nhật tại Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử</p> <p>- Thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc yêu cầu</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>Điều 64. Chức năng của Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử 1. Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng, cập nhật và duy trì cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện</p>	<p>bổ sung thông tin. Tổ chức quay về Bước 1 để khai báo lại theo yêu cầu. Tổ chức Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>5. Đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước như sau:</p> <p>Bước 1: Đăng nhập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp lại theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>Điều 45. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử 1. Bộ Công Thương là đơn vị xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý hoạt động</p>	
		<p>Kế thừa các quy định tại Điều 64 Điều 65 Điều 66 và Điều 67 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>từ.</p> <p>2. Công thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử có các chức năng sau:</p> <p>a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử bán hàng quy định tại Mục 1 Chương này;</p> <p>b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử quy định tại Mục 2 Chương này;</p> <p>c) Cung cấp thông tin hướng dẫn về quy trình và biểu mẫu thủ tục đăng ký dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng nhận trong thương mại điện tử theo quy định tại Mục 3 Chương này;</p> <p>d) Công bố công khai các thông tin quy định tại Điều 65, 66 và 67 Nghị định này.</p> <p>đ) Cung cấp cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công cụ tra cứu, quản lý thông tin thông báo, đăng ký hoạt động thương mại điện tử của các thương nhân, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.</p> <p>Điều 65. Danh sách các website thương mại điện tử đã thực hiện thủ tục thông báo và đăng ký</p> <p>1. Bộ Công Thương công bố công khai trên cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử các danh sách sau:</p> <p>a) Danh sách các website thương mại điện tử bán hàng đã</p>	<p>thương mại điện tử tại địa chỉ online.gov.vn, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh có chức năng đặt hàng trực tuyến; quản lý và khai thác dữ liệu hoạt động thương mại điện tử theo địa bàn tỉnh, thành phố đồng bộ và thống nhất tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p> <p>3. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử có các chức năng sau đây:</p> <p>a) Việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử trên phạm vi cả nước được liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hệ thống trả kết quả thủ tục hành chính đối với nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là biểu tượng xác nhận điện tử tương ứng đã thông báo, đã đăng ký, đã được cấp phép gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.</p>	<p>đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP).</p> <p>Hệ thống quản lý hoạt động TMĐT được nâng cấp từ Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT online.gov.vn. Hệ thống là công cụ để quản lý, giám sát và phát triển TMĐT một cách đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc với các chức năng cơ bản: 1) Tiếp nhận toàn bộ TTHC trong lĩnh vực TMĐT; 2) Công khai danh sách nền tảng TMĐT hoạt động hợp pháp, Danh sách nền tảng TMĐT vi phạm pháp luật; 3) Tiếp nhận phản ánh, khiếu nại từ tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng.</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>thông báo theo quy định tại Mục 1 Chương này;</p> <p>b) Danh sách các website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử đã đăng ký theo quy định tại Mục 2 Chương này.</p> <p>2. Danh sách công bố quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm các thông tin sau:</p> <p>a) Tên website thương mại điện tử và loại hình website theo thông báo hoặc đăng ký với Bộ Công Thương;</p> <p>b) Tên và thông tin liên hệ của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử;</p> <p>c) Số đăng ký kinh doanh của thương nhân, số quyết định thành lập của tổ chức hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân sở hữu website thương mại điện tử.</p> <p>Điều 66. Danh sách các thương nhân, tổ chức đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử</p> <p>1. Bộ Công Thương công bố công khai trên cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử danh sách các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử đã đăng ký theo quy định tại Mục 3 Chương này.</p> <p>2. Danh sách công bố quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm các thông tin sau:</p> <p>a) Tên thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử;</p> <p>b) Số đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của</p>	<p>b) Việc tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các nền tảng thương mại điện tử, người bán, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử vi phạm pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin bao gồm: thông tin về tổ chức/cá nhân gửi phản ánh, yêu cầu, khiếu nại (tên, số căn cước công dân, địa chỉ trụ sở của tổ chức/nơi cư trú của cá nhân); tên nền tảng thương mại điện tử phản ánh/tên người bán/tên tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử bị phản ánh; lý do phản ánh; bản chụp tài liệu/giấy tờ chứng minh.</p> <p>Mẫu khai thông tin trực tuyến phản ánh, yêu cầu, khiếu nại tại Phụ lục..., Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại gửi hợp lệ sẽ được ghi nhận tại hệ thống và cho phép người gửi theo dõi kết quả xử lý.</p> <p>c) Giám sát hoạt động thương mại điện tử thông qua hệ thống giám sát dựa trên cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử; phản ánh, yêu cầu, khiếu nại hợp lệ để có cảnh báo công khai rủi ro về các nền tảng thương mại điện tử hoặc thông tin hàng hoá, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm pháp</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>thương nhân, tổ chức; c) Địa chỉ trụ sở, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của thương nhân, tổ chức; d) Danh sách các website thương mại điện tử đã được thương nhân, tổ chức gắn biểu tượng tín nhiệm. Điều 67. Danh sách các website thương mại điện tử khuyến cáo người tiêu dùng thận trọng 1. Bộ Công Thương công bố công khai trên cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử các danh sách sau: a) Danh sách các website thương mại điện tử có vi phạm quy định của pháp luật; b) Danh sách các website thương mại điện tử bị phản ánh về việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 2. Bộ Công Thương quy định chi tiết về cơ chế tiếp nhận, công bố thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân về các website thương mại điện tử quy định tại Khoản 1 Điều này.</p>	<p>luật. d) Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử thông qua hệ thống giám sát dựa trên dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại do tổ chức cung cấp; đ) Tiếp nhận, xử lý các báo cáo trực tuyến về thương mại điện tử theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này; e) Công bố danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo, đăng ký, danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép, bao gồm: tên nền tảng thương mại điện tử theo thông báo hoặc đăng ký; tên và thông tin liên hệ của chủ quản nền tảng hoặc tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; số đăng ký kinh doanh của chủ quản nền tảng thương mại điện tử hoặc hoặc số đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân là chủ quản nền tảng thương mại điện tử.</p>	

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 46. Phạm vi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm các thông tin sau đây:</p> <p>1. Dữ liệu về quản lý hoạt động thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử đã thực hiện thủ tục thông báo/dăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;</p> <p>b) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử bị phản ánh, vi phạm pháp luật.</p> <p>c) Kết quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử.</p> <p>d) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử;</p> <p>đ) Quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT quốc gia, địa phương.</p> <p>e) Dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại: bao gồm thông tin về các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thông tin hợp đồng đã được chứng thực, thời điểm chứng thực, tình</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 38 của Luật TMĐT. Dự thảo Nghị định làm rõ phạm vi và nội dung của Cơ sở dữ liệu về TMĐT,</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>trạng hiệu lực.</p> <p>g) Thông tin khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;</p> <p>h) Thông tin yêu cầu gỡ bỏ, rà soát hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>i) Thông tin về hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa nhập lậu, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định của pháp luật khác trong lĩnh vực thương mại điện tử.</p> <p>k) Các thông tin liên thông với các cơ sở dữ liệu khác.</p> <p>2. Dữ liệu về thống kê thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Thông tin giao kết hợp đồng;</p> <p>b) Thông tin về người mua, người bán của giao dịch;</p> <p>c) Thông tin về livestream bán hàng, tiếp thị liên kết;</p> <p>d) Thống kê về giá trị giao dịch toàn thị trường;</p> <p>đ) Thống kê doanh thu theo ngành hàng, lĩnh vực;</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>3. Dữ liệu về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai hải quan điện tử, thông tin khai báo hàng hóa qua thương mại điện tử;</p> <p>b) Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu qua thương mại điện tử;</p> <p>c) Thông kê về trị giá, số lượng, quốc gia xuất xứ/nhập khẩu qua thương mại điện tử;</p> <p>d) Thông tin về chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng đối với hàng hóa qua thương mại điện tử</p> <p>4. Dữ liệu về thuế trong thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu tính thuế của người bán;</p> <p>b) Thông tin nộp thuế qua các nền tảng thương mại điện tử;</p> <p>5. Dữ liệu về vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Thông tin đơn hàng: mã vận đơn, thời gian giao nhận qua thương mại điện tử.</p> <p>b) Thông tin về đơn vị vận chuyển, kho bãi, tuyến đường vận chuyển.</p> <p>6. Dữ liệu về dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán trong thương mại điện tử</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>a) Thống kê theo hình thức thanh toán: thẻ, ví điện tử, COD, chuyển khoản. b) Dữ liệu về đơn vị trung gian thanh toán tham gia. c) Thống kê Số liệu giao dịch, khiếu nại, rủi ro phát sinh.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 47. Nguồn thông tin xây dựng, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử 1. Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử được tạo lập, thu thập, cập nhật và đồng bộ từ các nguồn sau: a) Dữ liệu quản lý, tích hợp, thống kê trong lĩnh vực thương mại điện tử của Bộ Công Thương; b) Dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu do bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan đến phạm vi dữ liệu được quy định tại Điều 46 Nghị định này; d) Dữ liệu đồng bộ từ các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, nền tảng cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử.</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 38 của Luật TMĐT. Dự thảo Nghị định đã làm rõ nguồn thông tin của Cơ sở dữ liệu về TMĐT, đồng thời bổ sung trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước có liên quan và dữ liệu của các nền tảng TMĐT</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>đ) Dữ liệu là kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực thương mại điện tử;</p> <p>e) Dữ liệu từ các báo cáo thống kê trong lĩnh vực thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan đã được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.</p> <p>2. Các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu có liên quan đến phạm vi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại Điều 46 Nghị định này, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng của dữ liệu được cập nhật, chia sẻ.</p> <p>3. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng dữ liệu, tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật khác có liên quan.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 48. Phạm vi, phương thức và thời hạn thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 38 của Luật TMDT.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p> <p>Thương mại điện tử</p> <p>1. Phạm vi cung cấp, cập nhật thông tin:</p> <p>a) Thông tin quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 do Bộ Công Thương và các nền tảng thương mại điện tử cung cấp, cập nhật;</p> <p>b) Thông tin quy định khoản 3,4 Điều 46 do Bộ Tài chính cung cấp, cập nhật;</p> <p>c) Thông tin quy định tại khoản 5 Điều 46 do các tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử cung cấp, cập nhật;</p> <p>d) Thông tin quy định tại khoản 6 Điều 46 do các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử cung cấp, cập nhật.</p> <p>2. Phương thức cung cấp, cập nhật thông tin:</p> <p>a) Việc cung cấp, cập nhật thông tin của nền tảng thương mại điện tử phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử được thực hiện dưới dạng kết nối trực tuyến thông qua API của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử hoặc dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử do Bộ Công Thương hướng dẫn.</p> <p>Trường hợp nền tảng thương mại điện tử trung gian là nền tảng số lớn, dữ liệu về giao dịch</p>	<p>THUYẾT MINH</p> <p>Dự thảo Nghị định làm rõ phạm vi, phương thức cung cấp, cập nhật thông tin của Cơ sở dữ liệu về TMĐT.</p> <p>Dự thảo đã cân nhắc đến yếu tố sản xuất báo cáo cho phù hợp với mô hình nền tảng TMĐT, cụ thể đối với nền tảng TMĐT quy mô nhỏ chỉ cần báo cáo định kỳ hàng năm, giống quy định tại các Nghị định trước đây. Đối với nền tảng TMĐT là nền tảng số lớn thực hiện báo cáo theo tháng, nhằm đảm bảo cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục, đáp ứng yêu cầu phản ứng nhanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>
--	---	--

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>thương mại điện tử phải được kết nối trực tiếp thông qua API của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử.</p> <p>b) Các cơ quan nhà nước quản lý các Cơ sở dữ liệu có liên quan đến thương mại điện tử phải thực hiện kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử theo quy định tại Điều 17 Luật Dữ liệu và bảo đảm doanh nghiệp không phải cung cấp trùng lặp thông tin cho nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau.</p> <p>c) Việc kết nối Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Dữ liệu.</p> <p>3. Thời hạn cung cấp, cập nhật thông tin</p> <p>a) Thông tin quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này được cung cấp theo thời gian được quy định tại Điều 23 Nghị định này.</p> <p>b) Thông tin quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này được đồng bộ giữa các Cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước có liên quan theo định kỳ.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn phương thức kết nối thông qua giao diện lập</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>trình ứng dụng (API).</p> <p>Điều 49. Sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử</p> <p>1. Việc sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phải đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a) Bộ Công Thương sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử;</p> <p>b) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền;</p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. (dữ liệu mở)</p> <p>2. Phương thức khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm:</p> <p>a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử;</p> <p>b) Thông qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 38 của Luật TMĐT.</p> <p>Dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về TMĐT.</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>Dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;</p> <p>c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử;</p> <p>d) Ứng dụng định danh quốc gia;</p> <p>đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu cung cấp;</p> <p>e) Phương thức khác khi được Bộ Công Thương chấp thuận.</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 50. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử</p> <p>1. Bộ Công Thương có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về Cơ sở dữ liệu Thương mại điện tử;</p> <p>b) Tổ chức xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử tại trung ương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong phạm vi cả nước;</p> <p>c) Thu thập, cập nhật, tiếp nhận và quản lý cơ sở dữ liệu thương mại điện tử;</p> <p>d) Kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu</p>	<p>Quy định chi tiết Điều 38 của Luật TMDT, đồng thời bổ sung việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước có liên quan và dữ liệu của các nền tảng TMDT.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	<p>thương mại điện tử với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, công dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo phạm vi được phân công;</p> <p>đ) Cung cấp thông tin về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.</p> <p>2. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây: Kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu về thuế; Cơ sở dữ liệu quốc gia về hải quan với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.</p> <p>3. Bộ Công an có trách nhiệm sau đây: Kết nối, chia sẻ và đồng bộ thông tin danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức và thông tin cơ bản của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia thương mại điện tử.</p> <p>4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm sau đây:</p>	

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>Xây dựng, cập nhật, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu liên quan do cơ quan quản lý với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện việc tạo lập, thu thập dữ liệu thương mại điện tử để hình thành các cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý và sử dụng dữ liệu tại địa phương.</p> <p>b) Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu liên quan đến thương mại điện tử do địa phương quản lý với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử</p> <p>6. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Tạo lập, thu thập, chuẩn hóa dữ liệu và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu của đơn vị với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử theo quy định tại Điều 18 Luật Dữ liệu và quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các cơ sở dữ liệu và quá trình kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu.</p>	
<p>Điều 80. Tổ chức thực hiện</p>	<p>Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Công Thương</p>	<p>Kế thừa và cụ thể hóa quy</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện quản lý hoạt động thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại;</p> <p>b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an trong bảo vệ an toàn thông tin, an ninh mạng đối với hoạt động thương mại điện tử. Kiến nghị Bộ Công an xử lý theo pháp luật đối với các hành vi vi phạm về an ninh mạng trong thương mại điện tử;</p> <p>c) Tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông về pháp luật liên quan đến hoạt động thương mại điện tử;</p> <p>d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm về hoạt động thương mại điện tử;</p> <p>đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị định này.</p> <p>2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:</p> <p>a) Phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về quản lý Internet đối với các website có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương đảm bảo an toàn thông tin mạng trong thương mại điện tử, thu hồi tên miền “.vn” và thực thi các biện pháp xử lý vi phạm đối với website thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</p>	<p>1. Chủ trì quản lý nhà nước về thương mại điện tử và tổ chức triển khai Nghị định này.</p> <p>2. Phân cấp cho Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính đăng ký cho nền tảng thương mại điện tử; cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thủ tục hành chính liên quan đến rút tiền ký quỹ và xử lý tiền ký quỹ;</p> <p>b) Quản lý, vận hành Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để hỗ trợ thực hiện Nghị định;</p> <p>c) Hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.</p> <p>3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.</p>	<p>định tại Điều 80 Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP)</p>

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>a) Phối hợp cung cấp thông tin, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu với Bộ Công Thương về số lượng đơn hàng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử;</p> <p>b) Cập nhật danh sách các nhà cung cấp nước ngoài trực tiếp đăng ký thuế, kê khai thuế; các nhà cung cấp ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác tại Việt Nam chưa đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.</p> <p>4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về các doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh thương mại điện tử.</p> <p>5. Bộ Công an có trách nhiệm:</p> <p>a) Chủ trì bảo vệ an ninh mạng đối với hoạt động thương mại điện tử; phối hợp với Bộ Công Thương cung cấp thông tin về các hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm mạng trong thương mại điện tử;</p> <p>b) Phối hợp thẩm định về an ninh quốc gia trong điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài đối với lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử khi có yêu cầu từ Bộ Công</p>		

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
<p>Thương.</p> <p>Điều 80. Tổ chức thực hiện</p>	<p>Điều 52. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>1. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý hoạt động thương mại điện tử;</p> <p>b) Thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng bộ, ngành để tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm tại bộ, ngành.</p> <p>2. Trên cơ sở văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công an có văn bản nêu rõ ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của nhà đầu tư, gửi lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>2. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam xây dựng kế</p>	<p>So với Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)	THUYẾT MINH
	hoạch tuyên truyền trên các kênh về thương mại điện tử và Ngày Thương mại điện tử quốc gia.	
Điều 80. Tổ chức thực hiện	Điều 53. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính thông báo nên tăng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. 2. Thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử trên địa bàn theo thẩm quyền. 2. Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng địa phương, tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm tại địa phương.	Kế thừa nội dung về phân cấp, phân quyền theo đúng nội dung quy định tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
Điều 80. Tổ chức thực hiện	Điều 54. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp 1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội trong lĩnh vực thương mại điện tử chỉ đạo các tổ chức thành viên trực thuộc tham gia và tổ chức các hoạt động truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng	So với Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

<p style="text-align: center;">VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p style="text-align: center;">THUYẾT MINH</p>
	<p>năm.</p> <p>2. Các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương thực hiện đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá về Ngày Thương mại điện tử quốc gia; xây dựng các chương trình giới thiệu và tuyên dương các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp điển hình đã đi đầu trong việc áp dụng thương mại điện tử; tổ chức truyền thông đối ngoại, quảng bá Ngày Thương mại điện tử quốc gia ra nước ngoài.</p>	<p>Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử.</p>
<p>Điều 79. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về thương mại điện tử.</p> <p>3. Các website thương mại điện tử được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực phải tiến hành thông báo hoặc đăng ký theo quy định tại Nghị định này trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.</p>	<p>Điều 55. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.</p> <p>2. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p> <p>3. Sửa đổi cụm từ “cung cấp dịch vụ thương mại điện tử” thành “quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã</p>	<p>Thay thế Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP hiện hành; Sửa đổi các khái niệm để phù hợp với Luật TMĐT</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (NĐ 52/2013/NĐ-CP, NĐ 85/2021/NĐ-CP, NĐ 146/2025/NĐ-CP, TT 38/2025/TT-BCT)</p>	<p>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (ngàytháng 02 năm 2026)</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
	<p>hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp” tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.</p>	
<p>Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử 1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử. Điều 80. Tổ chức thực hiện</p>	<p>Điều 56. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</p>	<p>Kế thừa quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP)</p>

